

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 276/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Nguyên;
- Ông Huỳnh Văn Dứt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 477/2026/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 20/3/1991, CCCD 089191009812; địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh An Giang (Có đơn xin vắng mặt);

2. **Bị đơn:** Ông Hồ Kim T, sinh ngày 13/4/1982, CCCD 089082020157; địa chỉ: ấp B, xã C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày:

Bà và ông Hồ Kim T chung với sống nhau vào năm 2010, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh An Giang). Đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất

đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau vì ông T thường xuyên cờ bạc, nhiều lần bề nợ khiến chủ nợ đến gặp bà Y và các con đòi nợ, bà Y đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi, ngoài ra ông T không chăm lo cho gia đình, không chu cấp tiền sinh hoạt gia đình. Vợ chồng bà đã không chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn bà xin ly hôn với ông Hồ Kim T; Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Hồ Nhất T1, sinh ngày 18/8/2011 và Hồ Kim A, sinh ngày 05/12/2020 hiện con chung đang chung sống cùng bà Y. Khi ly hôn bà Y yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Kim T được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông Hồ Kim T.

- Bà Nguyễn Thị Kim Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Nhất T1, sinh ngày 18/8/2011 và Hồ Kim A, sinh ngày 05/12/2020. Ông Hồ Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu ly hôn với ông Hồ Kim T, ông T có nơi cư trú ấp B, xã C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Y có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Hồ Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Bà Nguyễn Thị Kim Y yêu cầu ly hôn với ông Hồ Kim T, bà Y và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình làm việc

và tại phiên Tòa hôm nay, bà Y xác định trong thời gian vợ chồng sống chung ông T cờ bạc thiếu nợ, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không sửa đổi từ đó dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên cự cãi, đến năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng, nhận thấy vợ chồng không thể chung sống được, nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà Y yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Y. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Y và ông T đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do ông T thường xuyên cờ bạc thiếu nợ, vợ chồng thường xuyên bất hòa và cự cãi, bà và ông T không còn chung sống từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà Y và ông T xác định vợ chồng có 02 con chung Hồ Nhất T1, sinh ngày 18/8/2011 và Hồ Kim A, sinh ngày 05/12/2020. Hiện 02 cháu đang sống cùng bà Y. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Nhất T1 cho thấy nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà Y. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Nhất T1 và cháu Kim A do bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà Y. Do đó, để bà Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhất T1 và cháu Kim A là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà Y trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà Y trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông Hồ Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Y được ly hôn với ông Hồ Kim T.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim Y được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Hồ Nhất T1, sinh ngày 18/8/2011 và Hồ Kim A, sinh ngày 05/12/2020. Ông Hồ Kim T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim Y xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Nguyễn Thị Kim Y và ông Hồ Kim T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 307611 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 5 năm 2026.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Cù Lao Giêng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư